

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 02 – 2022
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bạch Phiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Đoàn;
2. Bà Võ Thị Tuyết Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Thu A, sinh năm 1985. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1983. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị Thu A trình bày:*

Chị Trương Thị Thu A và anh Nguyễn Văn B chung sống với nhau có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương vào năm 2003, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trước khi chung sống với nhau anh chị có quen biết, tìm hiểu trước khoảng 01 năm. Việc anh chị chung sống với nhau là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối.

Thời gian đầu sau khi đám cưới anh chị chung sống với nhau hạnh phúc. Khoảng 02 năm nay, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do chị A nghi ngờ anh B ngoại tình, bởi vì anh B thường lén lút nhắn tin cho người khác rồi xóa, đi làm xa ít liên lạc, không còn quan tâm chị A, tình cảm vợ chồng không còn yêu thương như trước, vợ chồng không nói chuyện với nhau. Từ đó, chị A không còn tình cảm với anh B.

Nay chị Trương Thị Thu A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh B.

- Về con chung: Chị Trương Thị Thu A và anh Nguyễn Văn B có 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh F, sinh ngày 12/01/2006 và Nguyễn Thanh G, sinh ngày 17/12/2007.

Hiện nay, 02 cháu đang sống với chị A tại địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Trương Thị Thu A yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh F, sinh ngày 12/01/2006 và Nguyễn Thanh G, sinh ngày 17/12/2007 đến khi các cháu thành niên. Chị Trương Thị Thu A không yêu cầu anh Nguyễn Văn B cấp dưỡng nuôi 02 con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày như sau:*

Chị Trương Thị Thu A và anh Nguyễn Văn B chung sống với nhau có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương vào năm 2003, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trước khi chung sống với nhau anh chị có quen biết, tìm hiểu trước khoảng 01 năm. Việc anh chị chung sống với nhau là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối.

Thời gian đầu sau khi đám cưới anh chị chung sống với nhau hạnh phúc. Khoảng 02 năm nay, anh nhận thấy anh chị không phát sinh mâu thuẫn gì, do chị A nghi ngờ anh B ngoại tình nên chị A làm đơn yêu cầu ly hôn với anh. Anh B thừa nhận có nhắn tin cho người khác rồi xóa, nhưng chỉ là quan hệ bạn bè, khi anh đi làm xa điện thoại về thăm chị A thì chị A nói chuyện với anh nạt nộ, nên ít liên lạc. Nay anh Nguyễn Văn B đồng ý ly hôn với chị Trương Thị Thu A.

- Về con chung: Chị Trương Thị Thu A và anh Nguyễn Văn B có 02 con chung tên Nguyễn Thanh F, sinh ngày 12/01/2006 và Nguyễn Thanh G, sinh ngày 17/12/2007. Hiện nay, hai cháu đang sống với chị A tại địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Đồng Tháp. Còn anh B đi làm xa, thường xuyên không có mặt tại nhà.

Anh Nguyễn Văn B thống nhất giao cháu Nguyễn Thanh F, sinh ngày 12/01/2006 và Nguyễn Thanh G, sinh ngày 17/12/2007 cho chị Trương Thị Thu A được quyền nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên. Anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi 02 con, do chị Trương Thị Thu A không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Thu A: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trương Thị Thu A và anh Nguyễn Văn B; Về con chung: giao cháu Nguyễn Thanh F, sinh ngày 12/01/2006 và Nguyễn Thanh G, sinh ngày 17/12/2007 cho chị Trương Thị Thu A được quyền nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên, anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi 02 con, do chị Trương Thị Thu A không yêu cầu; Về tài sản chung: tự thỏa thuận và nợ chung: không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện ngày 14/01/2022 của chị Trương Thị Thu A (bản chính).
- Giấy khai sinh của cháu Nguyễn Thanh F và Nguyễn Thanh G (bản sao).
- Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện (bản chính).
- Tờ khai đăng ký kết hôn (bản chính).
- Bản khai ngày 09/02/2022 của cháu Nguyễn Thanh F (bản chính).
- Bản khai ngày 09/02/2022 của cháu Nguyễn Thanh G (bản chính).
- Biên bản lấy lời khai của đương sự Nguyễn Văn B (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Thu A và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn B cư trú tại ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Xét thấy, chị Trương Thị Thu A và anh Nguyễn Văn B chung sống với nhau vào năm 2003, không có đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”*.

Mặt khác, chị Trương Thị Thu A xác định: Chị Trương Thị Thu A và anh Nguyễn Văn B xảy ra mâu thuẫn do chị Trương Thị Thu A nghi ngờ anh Nguyễn Văn B ngoại tình. Hiện nay, chị A không còn tình cảm với anh B và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh B, anh B đồng ý ly hôn với chị A.

Do đó, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh chị là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Xét thấy, anh Nguyễn Văn B thống nhất giao cháu Nguyễn Thanh F, sinh ngày 12/01/2006 và Nguyễn Thanh G, sinh ngày 17/12/2007 cho chị Trương Thị Thu A được quyền nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên. Nên công nhận sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp. Anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi 02 con, do chị Trương Thị Thu A không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trương Thị Thu A và anh Nguyễn Văn B đều xác định anh chị tự thỏa thuận về tài sản chung và về nợ chung: anh chị không có nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trương Thị Thu A phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Thu A.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trương Thị Thu A và anh Nguyễn Văn B.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh F, sinh ngày 12/01/2006 và Nguyễn Thanh G, sinh ngày 17/12/2007 cho chị Trương Thị Thu A được quyền nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên. Anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi 02 con, do chị Trương Thị Thu A không yêu cầu.

Chị Trương Thị Thu A và anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự tự thỏa thuận về tài sản chung và về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

Chị Trương Thị Thu A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001373 ngày 18/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Chị Trương Thị Thu A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn B không phải chịu án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bạch Phiến